|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *Tỉnh Thừa Thiên Huế, ngày … tháng … năm 2019* |

**BÁO CÁO THÀNH TÍCH  
ĐỀ NGHỊ TẶNG THƯỞNG HUÂN CHƯƠNG ĐỘC LẬP HẠNG NHẤT**

**Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Thừa Thiên Huế**

**I. SƠ LƯỢC ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH**

**1. Đặc điểm, tình hình:**

- Địa điểm trụ sở chính: 16 Lê Lợi, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế; điện thoại, fax; 0234.822584; địa chỉ trang tin điện tử: thuathienhue.gov.vn

- Quá trình thành lập và phát triển:

+ Thời Nguyễn, Thừa Thiên là phủ. Thời thuộc Pháp được đổi thành tỉnh Thừa Thiên. Năm 1976, tỉnh Thừa Thiên sáp nhập với tỉnh Quảng Bình và tỉnh Quảng Trị thành tỉnh Bình Trị Thiên.

+ Theo Quyết định ngày 30 tháng 6 năm 1989 tại kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khóa VIII nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ba tỉnh này lại được tách ra như cũ, riêng tỉnh Thừa Thiên sau khi tách thì mang tên gọi mới: Thừa Thiên Huế.

- Những đặc điểm chính của địa phương:

Tỉnh Thừa Thiên Huế nằm ở duyên hải miền trung Việt Nam bao gồm phần đất liền và phần lãnh hải thuộc thềm lục địa biển Đông.

Có chung ranh giới đất liền với tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, thành phố Đà Nẵng, nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào (có 81 km biên giới với Lào) và giáp biển Đông.

Phần đất liền, Thừa Thiên Huế có diện tích 5.025,30 km2, kéo dài theo hướng Tây Bắc - Đông Nam, nơi dài nhất 120 km (dọc bờ biển), nơi ngắn nhất 44 km (phần phía Tây); mở rộng chiều ngang theo hướng Đông Bắc - Tây Nam với nơi rộng nhất dọc tuyến cắt từ xã Quảng Công (Quảng Điền), phường Tứ Hạ (thị xã Hương Trà) đến xã Sơn Thủy - Ba Lé (A Lưới) 65km và nơi hẹp nhất là khối đất cực Nam chỉ khoảng 2-3km. Nằm trên trục giao thông quan trọng xuyên Bắc - Nam, là cửa ngõ của tuyến hành lang thương mại Đông - Tây nối Myanma, Thái Lan, Lào với biển Đông. Là tỉnh nằm giữa thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh - hai trung tâm lớn của hai vùng kinh tế phát triển nhất nước ta, là nơi giao thoa giữa điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội của cả hai miền Nam - Bắc và còn là trung tâm văn hoá, du lịch, trung tâm giáo dục đào tạo, y tế lớn của cả nước và là cực phát triển kinh tế quan trọng của vùng kinh tế trọng điểm miền Trung

Tỉnh Thừa Thiên Huế hiện có 9 đơn vị hành chính trực thuộc gồm: thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà và 06 huyện (Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, A Lưới, Nam Đông).

Đây còn là vùng đất văn hiến có bề dày lịch sử - văn hoá lâu đời, đặc sắc và truyền thống yêu nước đấu tranh cách mạng vẻ vang. Là địa bàn có vị trí chiến lược đặc biệt, đã từng là "phên dậu thứ tư về phương Nam" của Đại Việt, nơi "đô hội lớn của một phương"; từng là thủ phủ của xứ Đàng Trong, kinh đô của nước Đại Việt thời Quang Trung - Nguyễn Huệ và triều Nguyễn (1802 - 1945). Nơi đây luôn giữ một vị thế chiến lược, một miền đất đóng vai trò nối giữ hai miền Bắc - Nam. Những yếu tố đó tạo cho Thừa Thiên Huế có một bề dày lịch sử rất đáng tự hào về văn hoá, về truyền thống cách mạng oanh liệt trong quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thừa Thiên Huế còn là nơi lưu giữ những kỷ niệm của Bác Hồ thời niên thiếu ở Nhà lưu niệm 112 đường Mai Thúc Loan, thành phố Huế; Nhà lưu niệm ở làng Dương Nỗ, huyện Phú Vang; trường Quốc Học Huế…, nơi Bác Hồ đã sống, học tập, tham gia đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân, phong kiến và un đúc ý chí cách mạng, quyết tâm ra đi tìm đường cứu Nước cứu dân.

**2. Chức năng, nhiệm vụ:**

Chức năng, nhiệm vụ của tỉnh là điều hành, chỉ đạo mọi hoạt động nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và tăng cường trật tự an toàn xã hội trên địa bàn phường gắn liền với cơ cấu phát triển kinh tế và thế mạnh của địa phương theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, cụ thể:

- Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định các nội dung quy định tại các điểm a, b và c khoản 1, các điểm d, đ và e khoản 2, các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 19 của Luật này và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Tổ chức thực hiện ngân sách tỉnh, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi; thực hiện các biện pháp quản lý, sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, nguồn lợi ở vùng biển, vùng trời, tài nguyên thiên nhiên khác; thực hiện các biện pháp phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh trong phạm vi được phân quyền.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, đề án của tỉnh đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Thực hiện các biện pháp xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo thực hiện kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc trên địa bàn tỉnh; tổ chức giáo dục quốc phòng, an ninh và công tác quân sự địa phương; xây dựng và hoạt động tác chiến của bộ đội địa phương, dân quân tự vệ; xây dựng lực lượng dự bị động viên và huy động lực lượng bảo đảm yêu cầu nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ở địa phương.

- Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, bổ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước ở trung ương phân cấp, ủy quyền.

- Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh.

**II. NHỮNG THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI SAU 30 NĂM TÁI LẬP, XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN (1989-2018)**

Bằng sự nỗ lực vươn lên với tinh thần tự lực, tự cường, đến nay Thừa Thiên Huế đã trở thành một trong những tỉnh phát triển của miền Trung; trong một số lĩnh vực, Thừa Thiên Huế có vị trí xếp hạng cao so với cả nước.

*Tiến trình 30 năm tái lập, xây dựng và phát triển (từ năm 1989 đến nay).*

Tháng 7/1989, tỉnh Thừa Thiên Huế được tái thành lập trong điều kiện vẫn còn nhiều khó khăn, những tàn tích của chiến tranh vẫn chưa khắc phục xong, cơ sở vật chất ban đầu của chủ nghĩa xã hội chỉ mới bắt đầu được xây dựng; xuất phát điển của nền kinh tế còn quá thấp, đang trong giai đoạn khôi phục sau chiến tranh, sản xuất hàng hóa chưa phát triển, đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa bất cập, nhiều vấn đề bức xúc của xã hội diễn ra phức tạp chưa có đủ điều kiện giải quyết…

Thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế theo hướng CNH, HĐH, từ năm 1990 đến nay, mặc dù phải trải qua nhiều khó khăn, thách thức do thiên tai, đặc biệt là hậu quả của cơ lũ lịch sử 1999 đã để lại nhiều ngổn ngang, bộn bề những khó khăn trong sản xuất và đời sống…, song kinh tế của tỉnh liên tục đạt tăng trưởng nhanh và khá toàn diện. Tiềm lực kinh tế được nâng cao một bước quan trọng, quy mô toàn nền kinh tế đến năm 2018 đã đạt được một số thành tựu quan trọng, cụ thể như sau:

Cơ cấu các ngành kinh tế với dịch vụ chiếm ưu thế 50,4%; công nghiệp - xây dựng 31,66%; nông, lâm, thủy sản 10,97%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 6,97%.

*Sản xuất công nghiệp* có sự lớn mạnh về quy mô, đa dạng về ngành nghề; đã hình thành nhiều cơ sở sản xuất hàng hóa có quy mô lớn, nhiều doanh nghiệp và sản phẩm có uy tín trên thị trường trong và ngoài nước. Một số ngành và cơ sở công nghiệp mũi nhọn được đầu tư chiều sâu có thiết bị và công nghệ tiên tiến, có năng lực cạnh tranh trên thị trường, như công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất vật liệu xây dựng, dệt may, khoáng sản… Các cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ và làng nghề truyền thống được duy trì phát triển. Các sản phẩm chủ lực đều đạt mức tăng trưởng cao và ổn định. Qua đó cho thấy, ngành công nghiệp của tỉnh đang chuyển biến theo hướng *phát triển ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ổn định và bền vững,* trong khi đó ngành công nghiệp khai khoáng (*sản xuất thô*), sản xuất điện có xu hướng giảm (*phụ thuộc thời tiết*).

Đến cuối năm 2018, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng khoảng 9,5% so cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng 94,16%, tăng 20%; cấp nước và thu gom rác thải (chiếm 1,42%), tăng 23,1%; sản xuất, phân phối điện (chiếm 3,2%) giảm 11,53%; công nghiệp khai khoáng (chiếm 1,2%) giảm 5,2%. Các sản phẩm chủ lực đều đạt mức tăng trưởng cao và ổn định. Sản xuất và tiêu thụ bia đã vượt qua giai đoạn khó khăn, thị trường tiêu thụ ổn định và tăng trưởng trở lại. Dệt may phát triển và đưa vào hoạt động nhà máy may Sơn Hà công suất 15 triệu sp/năm, nhà máy sợi Phú Việt, nhà máy sợi Phú Bài, nhà máy may 3 của công ty HBI,... góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Thị trường tiêu thụ xi măng được mở rộng và tiêu thụ tốt tại các tỉnh Nam Trung Bộ. Sản xuất vật liệu xây dựng phát triển cụ thể Nhà máy sản xuất gạch ốp lát Vitto, sản xuất vật liệu Cristobalite đưa vào hoạt động. Chế biến thủy hải sản đạt tốc độ tăng mạnh nhờ chủ động được nguồn nguyên liệu đầu vào, thị trường xuất khẩu (chủ yếu là Nhật Bản và Hàn Quốc) đã thuận lợi hơn. Qua đó cho thấy, ngành công nghiệp của tỉnh đang chuyển biến theo hướng phát triển ổn định, bền vững, trong đó công nghiệp chế biến chế tạo chiếm tỷ trọng lớn và có xu hướng tăng cao hơn so với năm trước.

Một số dự án đầu tư có quy mô lớn đã hoàn thành, đang trong quá trình chạy thử, đi vào hoạt động trong quý IV đã góp phần tạo năng lực tăng thêm.

Các sản phẩm tăng tốt như: bia ước đạt 227 triệu lit, tăng 19% so với cùng kỳ; sợi các loại 88 nghìn tấn, tăng 4%; quần áo lót 336.500 triệu cái, tăng 8,5%; men frit 140 nghìn tấn, tăng 14,75%; vỏ lon nhôm 776 triệu lon tăng 33,8 %, điện thương phẩm 1.700 triệu kwh, tăng 9,4%; tôm đông lạnh 5.600 tấn, tăng 25,69% xi măng 2.890 nghìn tấn, tăng 17,38%....

Giá trị sản xuất công nghiệp ước đạt 31.480 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010).

*Khu vực dịch vụ* với mức tăng trưởng cao, là khu vực phát triển đa dạng, phong phú, một số tiềm năng trong lĩnh vực này, nhất là dịch vụ du lịch được khai thác có hiệu quả. Từ năm 1991, xác định du lịch là một ngành kinh tế mũi nhọn, tỉnh đã đề ra nhiều chính sách phù hợp kích thích các ngành và các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành du lịch. Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch đã tăng lên đáng kể; nếu năm 1990 có 09 khách sạn với 331 phòng, tổng lượt khách du lịch năm 2011 đạt gần 1,6 triệu lượt khách, tổng doanh thu du lịch đạt 1.133 tỷ đồng, đến năm 2018 tổng lượt khách du lịch đến Huế ước đạt 4,25 triệu lượt khách, đạt kế hoạch, tăng 165,6% so năm 2011, trong đó khách quốc tế 1,95 triệu lượt khách, khách nội địa 2,3 triệu lượt khách. Khách lưu trú ước đạt 2,1 triệu lượt. Ngày khách lưu trú bình quân đạt 1,79 ngày/khách*,* trong đó khách quốc tế là 2,1 ngày/khách, khách nội địa 1,5 ngày/khách. Doanh thu ngành dịch vụ du lịch ước đạt 4.400 tỷ đồng, tăng 288,3%. Du lịch phát triển đã góp phần giải quyết việc làm cho hàng vạn lao động thuộc các ngành nghề như vận tải, thương mại, công nghiệp và các dịch vụ khác. Đặc biệt, từ năm 2000, Thừa Thiên Huế đã tổ chức thành công Festival Huế, định kỳ 2 năm 1 lần, hàng năm tổ chức các Festival chuyên đề, nghiên cứu, phát huy các lễ hội dân gian, lễ hội truyền thống và hiện đại ; phục dựng các lễ hội Cung đình Huế ; phát huy các lễ hội văn hóa tín ngưỡng, xây dựng nhiều chương trình nghệ thuật mới để nâng cao chất lượng các kỳ Festival Huế ; đưa vào phục vụ nhiều sản phẩm du lịch đặc sắc kết hợp phổ biến những giá trị văn hóa, lịch sử về di sản văn hóa Huế, tạo tiền đề cho du lịch Thừa Thiên Huế phát triển xứng tầm là trung tâm lớn, đặc sắc của cả nước về văn hóa, du lịch.

Năm 2018, Tập trung thực hiện Chương trình trọng điểm về du lịch - dịch vụ. Đã hình thành nhiều sản phẩm du lịch mới xung quanh khu vực kinh thành: Duy trì mở cửa Đại Nội về đêm, chiếu sáng Kỳ Đài, bắn súng thần công, chiếu phim 4D bằng công nghệ thực tế ảo với chủ đề “*Đi tìm Hoàng Cung đã mất*”, trình diễn “Văn hiến kinh kỳ”... nhờ đó đã thu hút rất nhiều khách tham quan di tích.

Tiếp tục đa dạng hóa các hoạt động trình diễn tại phố đêm đường Phạm Ngũ Lão, Chu Văn An, Võ Thị Sáu; sắp xếp chuỗi thiết chế văn hóa nghệ thuật tuyến đường Lê Lợi (đoạn từ cầu Trường Tiền đến cầu Phú Xuân); từng bước hình thành tuyến phố đi bộ dọc sông Hương (đường Nguyễn Đình Chiểu) gắn với không gian nghệ thuật dọc đường Lê Lợi. Tổ chức thành công Festival Huế 2018, khẳng định thương hiệu “Thành phố Festival”.

*Trong nông nghiệp*, là một tỉnh có điều kiện sản xuất khó khăn, song đã tạo được mức tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân 4,5%/năm trong suốt thời kỳ những năm 1990 là thành tựu hết sức quan trọng. Cơ cấu nội bộ ngành chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng thủy sản từ 5,6% (năm 1990) lên 24,2% (năm 2011), giảm tỷ trọng nông nghiệp tương ứng từ 81,9% còn 69,5%; tỷ trọng chăn nuôi trong nông nghiệp tăng từ 7,6% (năm 1990) lên 27,2%. Nhờ tăng cường hệ thống thuỷ nông, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thâm canh, năng suất lúa bình quân năm 2011 đạt 56 tạ/ha, gấp 3 lần so năm 1976 và 2,1 lần so năm 1990; sản lượng lương thực có hạt bình quân người đạt 277kg, gấp 2 lần so năm 1990.

Giá trị sản xuất nông nghiệp đến cuối năm 2018 ước đạt 7.173 tỷ đồng (theo giá so sánh 2010), đóng góp quan trọng vào việc duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội trên địa bàn tỉnh.

Sản xuất nông nghiệp từng bước chuyển đổi theo hướng chất lượng, an toàn và tăng thu nhập cho người dân; hình thành sự liên kết trong sản xuất.

*- Trồng trọt*: Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm ước tính đạt 75.661 ha. Trong đó: Diện tích lúa cả năm 54.732 ha, năng suất đạt 61,1 tạ/ha, tăng 1,4 tạ/ha so với cùng kỳ năm trước, sản lượng lúa ước đạt 334,4 nghìn tấn, tăng 2,13% so; diện tích lúa chất lượng cao đạt 15.105 ha chiếm 27,6% diện tích, tăng 605 ha; hình thành vùng sản xuất lúa hàng hóa theo mô hình cánh đồng lớn 4.224 ha, tăng 324 ha. Đối với cây hàng năm khác, ngoài rau các loại 4.670 ha, tăng 8,4%.

Diện tích cây lâu năm trên địa bàn tỉnh tương đối ổn định, ước tính tổng diện tích hiện có đạt 12.440 ha, giảm 3,6%. Trong đó: Cây cao su 8.641,6 ha, chiếm 69,5% tổng diện tích cây lâu năm, giảm 309 ha; cây ăn quả 3.191 ha, giảm 3,7%, trong đó cây bưởi thanh trà 1.091 ha, tăng 2,7%, chuối đạt 868 ha, giảm 1,7%; hồ tiêu 277 ha, tăng 0,4%….

Đã chủ động điều tiết nguồn nước phòng chống hạn, mặn, đảm bảo nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác.

*- Lâm nghiệp:* Tổng sản lượng gỗ rừng trồng khai thác ước đạt 590.000 m3, tăng 2,3% so với năm trước; diện tích trồng rừng tập trung ước đạt 6.200 ha, tăng 3%; triển khai tốt công tác trồng rừng gỗ lớn, cấp chứng chỉ rừng FSC khoảng 7.000 ha. Tỷ lệ che phủ rừng năm 2018 ước đạt 57,33%, tăng 0,01%

- Thuỷ sản: Diện tích nuôi trồng ước đạt 7.375 ha, tăng 2,9%; sản lượng nuôi trồng ước đạt 15.846 tấn, tăng 7,9%. Sản lượng khai thác ước đạt 39.257 tấn, tăng 5%, trong đó khai thác biển 37.000 tấn, tăng 10,8%, khai thác nội địa 2.257 tấn. Tính chung sản lượng thủy sản nuôi trồng và khai thác ước đạt 55.103 tấn, tăng 5,8%. Hiện nay, tổng số tàu đánh bắt xa bờ có công suất trên 90 CV đạt 453 chiếc.

*Phát triển kinh tế đối ngoại:* Trong xu thế mở rộng quan hệ hợp tác phát triển, đa phương hóa, đa dạng hóa và toàn cầu hóa các quan hệ kinh tế quốc tế, Thừa Thiên Huế đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác với nhiều quốc gia, các tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân nước ngoài, trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Đã có nhiều hội nghị, hội thảo quốc tế được tổ chức tại Huế, nâng tầm vị trí của tỉnh lên thành một trung tâm đối ngoại quan trọng của khu vực miền Trung.

Đã triển khai tốt các hoạt động đối ngoại và dần đi vào thực chất, có hiệu quả. Công tác ngoại giao kinh tế tiếp tục được chú trọng, đã tham gia Hội nghị xúc tiến đầu tư vào tỉnh Thừa Thiên Huế tại Hàn Quốc, các sự kiện “*Gặp gỡ Châu Âu*” tại Hà Nội; tham dự Hội nghị hợp tác tiểu vùng Mekong mở rộng GMS 6,….

Đến nay, thường xuyên duy trì và có quan hệ hợp tác với 44 nước trên thế giới. Từ đầu năm 2018 đến nay, đã đón tiếp và làm việc với 1.220 đoàn khách quốc tế/8.285 lượt người đến thăm, làm việc, tìm hiểu cơ hội hợp tác, xúc tiến đầu tư.. Đã ký kết quan hệ hợp tác kết nghĩa giữa tỉnh Thừa Thiên Huế với Chính quyền Quận Wando (Hàn Quốc) và ký kết 03 Biên bản làm việc với đối tác Lào. Tổ chức trao đổi hợp tác giữa UBND thành phố Huế và Chính quyền Thành phố Cergy (Cộng hoà Pháp).

Hiện có 75 tổ chức NGO có đăng ký hoạt động tại địa bàn tỉnh, đã triển khai thực hiện 18 khoản viện trợ dự án và phi dự án chủ yếu tập trung vào lĩnh vực giáo dục, giải quyết các vấn đề xã hội, y tế, nông nghiệp, văn hóa, hướng nghiệp với tổng vốn cam kết 871,281 USD và ước giải ngân năm 2018 đạt 800.000 USD.

Công tác ngoại giao văn hóa thu được những kết quả tốt đẹp thông qua công tác tổ chức Festival Huế 2018 và các hoạt động giao lưu, triển lãm văn hóa, nghệ thuật với các đối tác quốc tế. Công tác đối ngoại nhân dân tiếp tục có những chuyển biến tích cực và đạt được nhiều kết quả quan trọng. Công tác quản lý nhà nước về đối ngoại được thực hiện nghiêm túc; công tác quản lý biên giới luôn được chú trọng, củng cố và tăng cường trên tất cả các lĩnh vực với các tỉnh giáp biên của nước bạn Lào.

Hoạt động xuất nhập khẩu chuyển biến mạnh. Trong suốt giai đoạn từ năm 1990-2011 kim ngạch xuất khẩu đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm 20%/năm. Tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa năm 2011 đạt 376,9 triệu USD, gấp 34,8% so với năm 1990, đến năm 2018 tổng giá trị xuất khẩu hàng hóa đạt 920 triệu USD, gấp 144% so với năm 2011. Cơ cấu sản phẩm xuất khẩu thay đổi theo hướng tăng các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh và hàng hóa qua chế biến.

Đến cuối năm 2018, kim ngạch xuất khẩu đạt 920 triệu USD. Nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu: công nghiệp chế biến 816 triệu USD, tăng 13%, chiếm 88,7%; nông, lâm, thuỷ sản 64 triệu USD, tăng 4,02%, chiếm 6,95%... Đã phát triển thêm nhiều đối tác mới tại các thị trường như Nhật Bản, Trung Quốc, ASEAN, Nga,… góp phần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu. Kim ngạch nhập khẩu đạt 600 triệu USD, tăng 5,73%, vượt 6,19% kế hoạch. Nhóm hàng nhập khẩu chủ yếu là nguyên phụ liệu dệt may, máy móc thiết bị phụ tùng; hóa chất, linh kiện điện tử, nguyên phụ liệu sản xuất bia,…

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), các doanh nghiệp FDI phát triển nhanh, góp phần nâng cao trình độ quản lý kinh doanh, công nghệ và năng lực hội nhập quốc tế. Ngoài nguồn vốn FDI, từ những năm 1990, trên địa bàn tỉnh đã bắt đầu được tiếp nhận các nguồn vốn viện trợ phát triển chính thức (ODA) theo hình thức viện trợ không hoàn lại hoặc vốn vay và các nguồn viện trợ phi chính phủ (NGO), đây là những nguồn vốn quan trọng giúp trong quá trình tái thiết, xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh.

Cơ sở hạ tầng được cải thiện rõ rệt đặt nền móng cho quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa và nâng cao tiềm lực kinh tế địa phương.

Đã huy động tốt các nguồn lực, nhất là nội lực cho đầu tư phát triển. So với những năm của thập kỷ 80, công tác đầu tư xây dựng trong thời kỳ đổi mới có sự phát triển nhanh chóng về cả quy mô vốn và khối lượng công trình. Đặc biệt, năm 1995, lần đầu tiên có dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Thừa Thiên Huế, nâng tổng vốn đầu tư toàn xã hội năm 1995 gấp 22 lần so với năm 1990 ; trong suốt thời kỳ từ 1990 đến nay, tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt mức tăng trưởng cao, năm 2018 tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 20.500 ngàn tỷ đồng. Nhờ những nỗ lực trong huy động vốn đầu tư, hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện đáng kể.

- Hạ tầng giao thông được nâng cấp, xây mới nhiều tuyến quan trọng nối liền các vùng gò đồi, miền núi với vùng đầm phá ven biển, vừa tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, vừa phục vụ mục đích đảm bảo an ninh quốc phòng ; cơ bản hoàn thành nhựa hóa đường tỉnh lộ, bê tông hóa đường giao thông nông thôn. Đã nâng cấp, xây mới hệ thống cầu cống, đặc biệt là hệ thống cầu lớn qua phá Tam Giang (cầu Trường Hà, Tư Hiền, Ca Cút, Thuận An), xây mới nhiều tuyến giao thông liên thôn, liên xã, giải quyết cơ bản tình trạng bị chia cắt trong mùa mưa lũ, nhất là các xã ở 2 huyện miền núi Nam Đông, A Lưới. Mạng lưới giao thông đô thị và giao thông nông thôn phát triển đã phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và dân sinh. Các dịch vụ vận tải công cộng có bước phát triển. Phương tiện đi lại của nhân dân ở nôn thôn, miền núi được cải thiện.

- Giao thông đường thủy có bước phát triển quan trọng ; cảng Thuận An có năng lực tiếp cận tàu 3.000 tấn, cảng nước sâu Chân Mây có năng lực tiếp nhận tàu hàng trên 50.000 tấn và tàu du lịch trên 6.300 khách, cảng cá Tư Hiền vừa hỗ trợ nghề cá, vừa phục vụ mục tiêu tránh trú bão, cứu hộ tàu thuyền và góp phần đảm bảo an ninh tuyến ven biển. Giao thông đường không khá thuận tiện, cảng hàng không quốc tế Phú Bài được nâng cấp đủ năng lực hoạt động cả ngày, đêm và trong điều kiện thời tiết xấu.

- Thủy lợi là một trong những nhiệm vụ quan trọng được ưu tiên đầu tư trong nhiều năm qua. Đã nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới, bổ sung nguồn nước tưới cho sản xuất, tăng khả năng dự trữ nước ngọt trong các sông, hồ và nội đồng. Xây dựng mới hơn 17 hồ có dung tích trên 1 tỷ m3, xây dựng hàng trăm trạm bơm, hệ thống kênh mương, đê điều. Nhiều công trình thủy lợi quan trọng được xây dựng như hồ Truồi chứa dung tích hơn 55 triệu m3, hồ Tả trạch dung tích 646 triệu m3; hệ thống kênh mương Hòa Mỹ cung cáp nước cho 2.259ha, công trình cải tạo đập La Ỷ có tác dụng ngăn mặn cho hơn 1.523ha, công trình đập Thảo Long ngăn mặn cho hơn 30 nghìn ha canh tác; xây dựng hệ thống đê ngăn mặt ven đầm phá, kè chống sói lở hệ thống các sông Bồ, sông Ô Lâu, sông Hương. Sau đợt lũ lịch sử cuối năm 1999 cơ sở hạ tầng nói chung và hệ thống thủy lợi nói riêng của tỉnh bị tàn phá. Song, nhờ những nỗ lực trong khắc phục thiên tai, đến nay, hệ thống kênh mương nội đồng đã cơ bản được kiên cố, chủ động điều tiết hợp lý nguồn nước tại 17 hồ chứa nước, 56 trạm bơm tưới tiêu, 141 tổ máy có lưu lượng từ 540 đến 2500 m3/h và 2 đập trên sông Hương và sông Ô Lâu, khắc phục hậu quả của thiên tai, ngăn mặn giữ ngọt, thoát lũ bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy hải sản, phòng chống suy thoái cạn kiệt nguồn nước, bảo vệ môi trường, môi sinh… góp phần ổn định sản xuất và đời sống dân cư.

- Hệ thống điện trước năm 1990 chủ yếu do nhà máy điện chạy dầu cung cấp, chỉ đủ cung cấp trong phạm vi thành phố Huế và ưu tiên cho các bệnh viện, các cơ sở sản xuất; sau nhiều năm nỗ lực huy động đầu tư, đến năm 2004, 100% số xã trong tỉnh được cung cấp điện từ mạng lưới quốc gia. Năm 2018, 99,98% số hộ được sử dụng điện.

- Hạ tầng thương mại phát triển, hệ thống chợ ngày càng có bước chuyển biến tích cực, phát triển theo hướng văn minh hiện đại, đã hình thành các siêu thị, trung tâm thương mại, chợ nông thôn được nâng cấp, xây mới đáp ứng nhu cầu lưu thông hàng hóa của nhân dân.

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt được đầu tư nâng cấp, mở rộng đạt trên 200 nghìn m3/ngày/đêm. Hệ thống cấp nước trong thành phố Huế được cải tạo, nước sinh hoạt, nước sinh hoạt của đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa, vùng nông thôn khó khăn được ưu tiên đầu tư xây dựng mới ; chất lượng nước được cải thiện cơ bản, tình trạng nước nhiễm mặn được giải quyết hoàn toàn. Đến hết năm 2011, cơ bản nối mạng cấp nước tập trung ở vùng đô thị và miền núi, lắp đặt thành công hệ thống cấp nước qua phá Tam Giang đưa nước sạch đến một số xã ven biển. Đến cuối năm 2018, số hộ được cung cấp nước sạch là 225.000/1 triệu dân, đạt tỷ lệ 87,76% dân số toàn tỉnh sử dụng nước sạch (trong đó đô thị đạt 97,05% và nông thôn đạt 79,56%).

- Hệ thống thông tin liên lạc phát triển nhanh. Mạng lưới Viễn thông được số hóa, mạng truyền dẫn được quang hóa 100%, có kèm viba hỗ trợ ; 100% xã có điểm giai dịch bưu điện và kết nối internet ; 100% xã có điện thoại và được phủ sóng di động.

- Hạ tầng giáo dục được đầu tư kiên cố hóa, tầng hóa, giải quyết cơ bản tỉnh trạng thiếu trường, thiếu lớp và cải thiện vệ sinh trường học. Đến nay, ngành Giáo dục và Đào tạo tỉnh đã cơ bản hoàn thành cơ sở vật chất, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên… Tổng số trường đạt chuẩn quốc gia đến nay có 331 trường, đạt tỷ lệ 56% (trong đó: Mầm non: 78 trường; Tiểu học: 161 trường, THCS: 74 trường, THPT: 18 trường).

Thông qua các phong trào thi đua "Dạy tốt, học tốt", phong trào" Kỷ cương - tình thương - trách nhiệm", phong trào "Mỗi thầy cô giáo là tấm gương sáng cho học sinh noi theo", phong trào “Nói không với tiêu cực và bệnh thành tích trong giáo dục”, phong trào “xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực” đã góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tỷ lệ tốt nghiệp THPT đạt bình quân gần 99%/năm. Học sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng đạt bình quân trên 60%/năm. 100% giáo viên mầm non, phổ thông đạt chuẩn và nhiều giáo viên đạt trình độ trên chuẩn.

Công tác phổ cập giáo dục (PCGD) các cấp, ngành học đã đạt được những kết quả quan trọng, toàn tỉnh đạt chuẩn PCGD THCS mức độ II; 59,61% thanh niên trong độ tuổi 18 -24 có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương và 18 xã đạt chuẩn “Có 80% thanh niên trong độ tuổi có bằng tốt nghiệp THPT và tương đương”.

Cơ sở vật chất của bậc đại học và dạy nghề được chăm lo đầu tư ; phát triển mới các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp… Phát triển nhanh hệ thống đào tạo nghề. Xây mới các khu ký túc xá, từng bước hoàn thiện điều kiện ăn ở cho sinh viên các địa phương trong cả nước, kể cả sinh viên học sinh nước bạn lào đến học tập ở Thừa Thiên Huế.

Đại học Huế tiếp tục khẳng định vị thế của một trung tâm đào tạo đại học và sau đại học lớn ở miền Trung, một trong 14 đại học trọng điểm quốc gia; Đại học Huế có 10 trường đại học thành viên, Phân hiệu Đại học Huế tại tỉnh Quảng Trị. Hàng năm có trên 95.000 sinh viên theo học. Tỷ lệ giảng viên có học hàm, học vị giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ đạt gần 20% số lượng giảng viên cơ hữu, 67% giảng viên có trình độ thạc sĩ trở lên. Đại học Huế đang tiếp tục đầu tư xây dựng đạt chuẩn Đại học Quốc gia, hướng đến trở thành trung tâm đào tạo đại học và sau đại học, đa ngành, đa lĩnh vực chất lượng cao; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ mạnh về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, xã hội - nhân văn, giáo dục, quản lý, nông nghiệp, y dược, kỹ thuật công nghệ cao.

- Hạ tầng y tế từ tỉnh đến cơ sở ngày càng được củng cố và phát triển theo hướng chuẩn hóa và hiện đại hóa, đủ năng lực khám, chữa bệnh, chủ động phòng, chống dịch bệnh; kiểm dịch y tế, vệ sinh lao động, vệ sinh an toàn thực phẩm và triển khai đầy đủ các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế; hầu hết các bệnh viện tuyến huyện đã có thể giải quyết trên 80% các loại bệnh tật. Công suất sử dụng giường bệnh bình quân toàn tỉnh ước đạt trên 95,0%, trong đó tuyến tỉnh đạt trên 75%; tuyến huyện đạt bình quân trên 110%; có 150/152 xã/phường/thị trấn đạt “Chuẩn quốc gia về y tế xã” (đạt 97,4%). Hệ thống y tế ngoài công lập phát triển nhanh đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân.

Các thiết chế của Trung tâm y tế chuyên sâu miền Trung từng bước được đầu tư hoàn chỉnh; trong đó, Bệnh viện TW Huế là một trong ba bệnh viện hạng đặc biệt của cả nước và đang tiếp tục được đầu tư theo hướng chuyên sâu, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật cao; là một trong số ít bệnh viện của cả nước có đủ khả năng phẫu thuật thay tim *(đặc biệt, trong tháng 5 và tháng 6 năm 2018 đã ghép thành công 2 ca ghép tim xuyên Việt được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen).* Bệnh viện Đại học Y Dược Huế được nâng cấp mở rộng từ 350 giường lên trên 600 giường. Các thiết chế y tế khác được đầu tư đồng bộ như: Trung tâm kiểm nghiệm dược phẩm, hóa mỹ phẩm, Trung tâm truyền máu khu vực, Trung tâm Đào tạo và Khoa Mắt…

*Các vùng lãnh thổ* (đô thị, vùng gò đồi miền núi, vùng đầm phá ven biển) đã được đầu tư theo các chương trình, dự án trọng điểm, phân bố lại lao động, phát huy tốt hơn các thế mạnh của từng vùng.

*- Khu vực* *đô thị* phát triển nhanh, từ năm 1989 đến nay, đã thành lập mới nhiều thị trấn, thành lập 2 thị xã Hương Thuỷ và Hương Trà, thành phố Huế được công nhận là đô thị loại I từ năm 2001; các KCN, KKT Chân Mây - Lăng Cô, KKT cửa khẩu A Đớt được Chính phủ cho phép thành lập đã góp phần quan trọng thúc đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Các khu vực đô thị được đầu tư đồng bộ hơn về hạ tầng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân trong đô thị. Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến cuối năm 2018 đạt 56%.

*Thành phố Huế* được tập trung phát triển thành thành phố Festival của Việt Nam, trung tâm văn hóa, du lịch lớn của cả nước, trung tâm y tế, trung tâm đào tạo đại học và nghiên cứu khoa học của miền Trung và cả nước; trung tâm thương mại lớn của Tỉnh. Các ngành thương mại, dịch vụ, nhất là dịch vụ du lịch tiếp tục giữ vai trò quan trọng và là động lực phát triển kinh tế với các loại hình dịch vụ đa dạng, chất lượng ngày càng cao; dịch vụ viễn thông, ngân hàng, công nghệ thông tin phát triển nhanh; cơ sở phục vụ khách du lịch, hệ thống bệnh viện, trường học, siêu thị… tăng lên đáng kể.

Hệ thống cơ sở hạ tầng được cải thiện, tạo diện mạo của đô thị văn minh. Đã nâng cấp, mở rộng các tuyến đường nội thị, hệ thống lề đường, vỉa hè, thoát nước, điện chiếu sáng, cây xanh. Cơ bản hoàn thành di dời, giải tỏa các hộ lấn chiếm sông Ngự Hà, di dời dân cư ở khu vực Eo Bầu, Hộ thành hào, Thượng Thành và một số điểm văn hóa, di tích quan trọng; cơ bản hoàn thành định cư dân vạn đò trên sông Hương; chỉnh trang hai bờ sông An Cựu, các phường Nội thành thành phố Huế (Hộ Thành Hào, sông Ngự Hà, sông An Cựu, Thượng Thành - Eo Bầu, hai bờ sông H­ương); sắp xếp và bố trí lại dân cư (di dời, giải tỏa, bố trí tái định cư cho các hộ dân sống trong vùng bảo vệ di tích). Xây dựng và đưa vào sử dụng các khu dân cư mới Hương Sơ, Kiểm Huệ, Trường An, Vĩ Dạ,... Xây dựng nhà ở cho người có thu nhập thấp, ký túc xá sinh viên. Xây dựng mới các khu đô thị An Cựu, khu đô thị An Đông, hình thành khu đô thị mới An Vân Dương.

- *Khu vực nông thôn phát triển khá toàn diện*: Cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn chuyển dịch nhanh theo hướng phát triển ngành nghề phi nông nghiệp; đến năm 2018, tỷ trọng lao động trong nông nghiệp tiếp tục giảm. Các chương trình đầu tư cơ sở hạ tầng y tế, giáo dục, giao thông, thủy lợi, nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường đã tạo diện mạo mới cho khu vực nông thôn. Toàn tỉnh có 99,98% số hộ dân có điện; 100% xã có đường ô tô đến trung tâm; 100% số xã có điểm phục vụ bưu chính viễn thông, 100% xã có điểm bưu điện văn hóa. Ngoài việc chăm lo phát triển sản xuất, xây dựng hạ tầng công cộng, đã chú trọng xây dựng các khu tái định cư để ổn định cuộc sống theo hướng tốt hơn cho các hộ dân phải di dời, giải tỏa, các hộ dân vùng bị ảnh hưởng của thiên tai, các hộ dân sống lênh đênh trên sông nước trong vùng biển, đầm phá...Cụ thể ở từng như sau:

Vùng ven biển và đầm phá được tập trung phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp theo hướng CNH, HĐH gắn với xây dựng và phát triển nông thôn mới. Phát triển nuôi trồng thủy sản. Kết cấu hạ tầng điện, đường, trường, trạm được đầu tư theo hướng kiên cố hoá. Việc xây dựng mới hệ thống cầu các cầu Trường Hà, Tư Hiền, Ca Cút và một số tuyến giao thông ven biển tạo thuận lợi trong giao thương, khai thác lợi thế phát triển du lịch và thuỷ sản, giải quyết tình trạng bị chia cắt, cô lập trong mùa mưa, bão. Sau đợt lũ lụt lịch sử cuối năm 1999, đã xây mới các khu định cư dân đầm phá và ven biển để ổn định cuộc sống của nhân dân. Đặc biệt, trong 3 năm 2008 - 2010, đã hoàn thành định cư ổn định cho gần 2000 hộ dân sống lênh đênh trên sông nước vùng đầm phá tam Giang - Cầu Hai, 1.000 hộ vạn đò trên sông Hương. Ngoài việc xây dựng hạ tầng các khu tái định cư, đã hỗ trợ các hộ dân xây dựng nhà ở; hầu hết nhân dân trong vùng đã có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố. Bộ mặt nông thôn được đổi mới, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; an ninh nông thôn và tuyến biển được giữ vững.

Vùng gò đồi, miền núi đạt được nhiều tiến bộ trong tổ chức sản xuất; nhờ công tác hướng dẫn kỹ thuật, đã thay đổi hẳn tập quán sản xuất lạc hậu. Các chính sách hỗ trợ sản xuất được thực hiện gắn với phát triển các vùng chuyên canh tập trung như cao su, cà phê, rừng nguyên liệu,... Xây dựng và nhân rộng các mô hình kinh tế trang trại, mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Cơ sở hạ tầng về giao thông, thuỷ lợi, điện, nước sinh hoạt, trường học, trạm y tế, thông tin liên lạc... được ưu tiên đầu tư. Từ năm 2008, đã hoàn thành xóa nhà ở tạm của đồng bào các dân tộc thiểu số và một số bản dân tộc độc lập ở các huyện, xóa nhà ở tạm của các hộ nghèo. Huyện miền núi Nam Đông được Đảng và Nhà nước công nhận là huyện Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.

*Các lĩnh vực văn hóa - xã hội* đạt nhiều thành tựu quan trọng. Các thiết chế văn hoá được xây mới, nâng cấp; nhiều công trình di tích văn hoá, di tích lịch sử, được trùng tu, tôn tạo, khôi phục và xây mới. Đặc biệt, công tác bảo vệ, trùng tu, tôn tạo và phát huy các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của Thừa Thiên Huế được quan tâm sớm ngay từ những ngày mới giải phóng. Nhờ những nỗ lực bảo tồn, phục dựng các giá trị văn hóa, Quần thể Di tích Cố đô Huế đã được UNESCO ghi vào Danh mục ***Di sản Thế giới*** vào ngày 11/12/1993, và 10 năm sau, ngày 7 tháng 11 năm 2003, Âm nhạc Việt Nam - Nhã nhạc Cung đình Huế lại được UNESCO công nhận là ***Kiệt tác truyền khẩu và Di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại***và năm 2008 Nhã nhạc Cung đình Huế đã được UNESCO công bố là 1 trong 90 ***Di sản Văn hoá phi vật thể đại diện*** của nhân loại. Đã khẳng định vai trò, vị trí của một trung tâm: văn hóa, du lịch, giáo dục - đào tạo và y tế chuyên sâu. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh nhà là xây dựng thành phố Huế trở thành một thành phố Festival đặc trưng của Việt Nam. Với một di sản văn hóa vật thể và tinh thần mang ý nghĩa quốc hồn quốc túy của dân tộc, Huế là một hiện tượng văn hóa độc đáo của Việt Nam và thế giới. Di sản Huế đang được bảo tồn rất tốt bởi những nỗ lực của Đảng bộ và nhân dân Thừa Thiên Huế, của Bộ Văn hóa Thông tin, mà trực tiếp là Trung tâm Bảo tồn Di tích Cố đô Huế. Ngày 11 tháng 12 năm 1993, Quần thể di tích Cố đô được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới; ngày 7 tháng 11 năm 2003, văn hóa Huế một lần nữa được đăng quang khi Âm nhạc cung đình Huế: Nhã nhạc (triều Nguyễn) đã được UNESCO ghi tên vào danh mục Các Kiệt tác Di sản phi vật thể của nhân loại.

Đến năm 2018, đã tổ chức thành công *Festival Huế lần thứ 10 năm 2018* với nhiều hoạt động văn hóa hoành tráng,…tiếp tục khẳng định danh hiệu Huế - thành phố Festival của Việt Nam, từng bước xây dựng hình ảnh Huế - kinh đô lễ hội.

Đã hoàn thành di dời Nhà Trưng bày tác phẩm Nghệ thuật Điềm Phùng Thị về địa điểm mới; đã công bố danh mục công trình kiến trúc Pháp tiêu biểu trên địa bàn thành phố Huế , phê duyệt Đề án “Không gian văn hóa nghệ thuật trung tâm thành phố Huế” (tuyến đường Lê Lợi - bên bờ sông Hương); tiếp tục xây dựng và hoàn thành các đề án đổi mới mô hình quản lý đối với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, Trung tâm Festival Huế. Đang triển khai kế hoạch phục hồi lễ hội AZa ở A Lưới thuộc Đề án bảo tồn phát huy giá trị di sản văn hóa truyền thống điển hình của các dân tộc thiểu số; đã tổ chức thành công Cuộc thi pha trà Quốc Tế - Tea Master Cup International 2018 lần thứ 4.

Công tác chăm sóc các gia đình thương binh, liệt sĩ, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đối tượng có công với nước được đặc biệt quan tâm . Phong trào "Đền ơn đáp nghĩa", "Phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng", xây dựng nhà tình nghĩa được các tầng lớp nhân dân hưởng ứng tích cực. Các cơ quan, đơn vị đã nhận phụng dưỡng 82 Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đối tượng có công với nước được thực hiện kịp thời, đầy đủ, 100% hộ gia đình chính sách có mức sống trung bình cao hơn mức sống người dân nơi cư trú. Hiện nay, đang chi trả trợ cấp thường xuyên tại cộng đồng cho 55.926 đối tượng, hộ gia đình và cá nhân hưởng trợ cấp xã hội, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng tại cộng đồng với kinh phí trên 20 tỷ đồng; cấp 417 thẻ BHYT cho các đối tượng được nuôi dưỡng có thời hạn ở 15 cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập.

Chương trình xóa đói giảm nghèo được triển khai đồng bộ, việc hỗ trợ, giúp đỡ hộ nghèo, người nghèo được xác định là một trong những nội dung “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” của các cơ quan, đơn vị, đoàn thể và của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên toàn tỉnh; đồng thời là hoạt động hưởng ứng phong trào thi đua “Thừa Thiên Huế chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau” do của UBND tỉnh phát động và phân công các sở, ban, ngành đoàn thể, trường học giúp đỡ các xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25% ở hai huyện A Lưới và Nam Đông trong giai đoạn 2016-2020. Đến cuối năm 2017, đã có 04 xã có tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 25% là xã Hồng Thượng, A Ngo, Hương Lâm, xã Hồng Hạ huyện A Lưới. Hiện còn 13 xã có tỷ lệ hộ nghèo trên 25%, phấn đấu đến cuối năm 2020 giảm còn 07 xã.

Đến cuối năm 2018, thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và các chính sách giảm nghèo chung, tỷ lệ hộ nghèo đã giảm xuống còn 4,92%(giảm 1,06% tương ứng khoảng 3.120 hộ thoát nghèo trong năm 2018). Đây là thành quả của việc triển khai thực hiện các chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trong những năm qua.

Các chương trình mục tiêu quốc gia khác được thực hiện tốt, góp phần tạo ra bộ mặt nông thôn mới ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Quốc phòng được củng cố, chủ quyền quốc gia, an ninh biên giới, biển đảo được giữ vững. Kết hợp tốt phát triển kinh tế với quốc phòng - an ninh, xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc. Xây dựng cơ sở an toàn làm chủ, sẵn sàng chiến đấu, thực hiện tốt các chính sách hậu phương quân đội. Thế trận quốc phòng toàn dân được xây dựng, củng cố và gắn liền với thế trận an ninh nhân dân. Lực lượng vũ trang địa phương được xây dựng theo hướng cách mạng, chinh quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đủ sức đáp ứng với nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc trong tình hình mới.

Chủ động phòng, chống thiên tai, dịch bệnh. Nhờ thực hiên tốt phương châm "4 tại chỗ" nên đã hạn chế thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của nhân dân trong các đợt thiên tai, nhất là cơn lũ lịch sử năm 1999, cơn bão số 6 năm 2006. Đặc biệt đã huy động sức mạnh tổng hợp và tiến hành nhiều biện pháp đồng bộ để sớm khắc phục hậu quả, sớm ổn định sản xuất và đời sống. Trong thiên tai, bão, lụt, hỏa hoạn, đã có nhiều tấm gương tiêu biểu trong phòng, chống, cứu hộ, cứu nạn, cứu trợ, đùm bọc lẫn nhau, cùng nhau vượt qua hoạn nạn.

Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được triển khai đồng bộ, với nhiều biện pháp tích cực như: xây dựng chương trình hành động; thành lập ban chỉ đạo; tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức ký cam kết; quy định rõ trách nhiệm của người đúng đầu cơ quan, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng, lãng phí; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát; xây dựng cơ chế giám sát của nhân dân; xử lý kiên quyết, nghiêm khắc, công khai, đúng pháp luật các vụ việc tham nhũng, nhất là những vụ việc nổi cộm gây bức xúc trong dư luận.

Công tác xây dựng Đảng và phong trào thi đua của Mặt trận và các đoàn thể chính trị ngày càng được phát huy có hiệu quả; xây dựng Đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, nâng cao sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng, góp phần củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân với Đảng; củng cố, tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong nhân dân; đẩy mạnh phong trào “Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh”, đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, nhất là cải cách thủ tục hành chính và xây dựng đội ngũ cán bộ có đức, có tài, thực sự năng động, sáng tạo, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của Mặt trận và các đoàn thể trong việc đoàn kết tập hợp toàn dân, động viên mọi tiềm lực và mọi tiềm năng sáng tạo trong nhân dân để phấn đấu vì mục tiêu xây dựng tỉnh nhà giàu mạnh, văn minh. Nhiều phong trào do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể phát động và phối hợp triển khai đã mang lại hiệu quả thiết thực như cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, vận động ủng hộ “Ngày vì người nghèo”; phong trào “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình”; phong trào “Ngày tiết kiệm vì phụ nữ nghèo”; phong trào “Nông dân sản xuất giỏi”, phong trào “Thanh niên tình nguyện”; phong trào “Phát huy truyền thống Anh bộ đội Cụ Hồ”…

Các phong trào thi đua “Xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh”, “Xây dựng chính quyền cơ sở, tổ chức đoàn thể vững mạnh”; Phong trào “Nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan đơn vị, địa phương; thực hiện tốt đạo đức công vụ, xây dựng hình ảnh người cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức tận tụy, liêm khiết, gần dân, trọng dân, hết lòng phục vụ nhân dân” gắn với thực hiện Nghị quyết TW4- khóa XII về Tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” và Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”... được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm tăng cường và đẩy mạnh nhằm phát huy tốt sức mạnh của cả hệ thống chính trị trong thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh địa phương.

Phong trào thi đua trong thực hiện quy chế dân chủ, cải cách thủ tục hành chính thực hiện theo phương châm “Thân thiện - đơn giản - đúng hẹn”. Với chủ đề “Thừa Thiên Huế chung tay cải cách hành chính” thu hút 152 xã, phường, thị trấn, 21 sở, ngành và 6 đơn vị Trung ương trên địa bàn tham gia. Các phong trào thi đua *"Dân vận khéo"* gắn với các Cuộc vận động: *“Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”;* *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, văn minh đô thị”*; *“Toàn dân xây dựng Thừa Thiên Huế sáng - xanh - sạch - không rác thải”;**“Ngày Chủ nhật xanh”;*phong trào*“Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới và nếp sống văn minh đô thị”*, phong trào thi đua *“Cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”* và *“Giảm nghèo bền vững”* giai đoạn 2016 - 2020; phong trào thi đua "Đoàn kết, sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, hội nhập quốc tế đã được các tổ chức hội, đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến rộng rãi được nhân dân đồng tình ủng hộ cao.

Hưởng ứng phong trào thi đua do Thủ tướng phát động, các ngành, các địa phương đã đẩy mạnh phát động rộng khắp các phong trào thi đua: “Chuyển dịch cơ cấu kinh tế”, “Thi đua Lao động với năng suất chất lượng, hiệu quả”, “Thực hành tiết kiệm chống lãng phí”, “Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật”, “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý chất lượng ISO”, “Xây dựng nông thôn mới”, “Mô hình cách đồng mẫu lớn”; Phong trào thi đua “Doanh nghiệp hội nhập và phát triển”… đã được các tổ chức, cá nhân, các thành phần kinh tế và nhân dân tích cực hưởng ứng, đồng thời khích lệ, tạo động lực cho cộng đồng các doanh nghiệp, doanh nhân trong tỉnh, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức, tăng cường đầu tư, đổi mới sản xuất, tăng năng suất lao động, góp phần đáng kể trong thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Với sự nỗ lực không ngừng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân; của các ngành, các cấp trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, trong những năm qua đã gặt hái được những thành tích đáng kể.

**III. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH 5 NĂM (2016-2020) VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

**1. Mục tiêu**

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Phấn đấu xây dựng Thừa Thiên Huế thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng *“di sản, văn hóa, sinh thái, cảnh quan, thân thiện với môi trường”*; đến năm 2020, xứng tầm là một trong những trung tâm văn hoá - du lịch, y tế chuyên sâu, giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ của cả nước và khu vực; quốc phòng, an ninh được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, vững chắc; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

**2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

**2.1. Các chỉ tiêu về kinh tế:**

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng bình quân trên 9%/năm.

- Đến năm 2020, GRDP bình quân đầu người đạt trên mức bình quân chung của cả nước: 3.400 - 3.700 USD.

- Cơ cấu GRDP: dịch vụ, du lịch 55%; công nghiệp 37%; nông, lâm nghiệp, thủy sản 8%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu tăng bình quân 15%/năm.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng bình quân 15 - 20%/năm.

- Thu ngân sách nhà nước tăng trưởng bình quân 10 - 12%/năm.

- Đến năm 2020, lượt khách du lịch đạt 5 triệu lượt (trong đó có từ 3 - 4 triệu lượt khách lưu trú); giá trị sản xuất công nghiệp tăng bình quân 15%/năm; sản lượng lương thực có hạt ổn định 31-32 vạn tấn/năm; tăng tỷ trọng chăn nuôi đạt 40% trong giá trị sản xuất nông nghiệp.

**2.2. Các chỉ tiêu về xã hội:**

- Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên khoảng 1 - 1,1%/năm.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm dưới 8 - 10%; số bác sỹ đạt 13 bác sỹ/vạn dân và số giường bệnh 45 - 46 giường bệnh/vạn dân.

- Tỷ lệ huy động học sinh so với dân số trong độ tuổi ở các bậc học như sau: nhà trẻ 33,8%; mẫu giáo 87%; tiểu học 100%; trung học cơ sở 90,2% và phổ thông trung học là 74,7%.

- Lao động được đào tạo nghề đạt 65 - 70%; giải quyết việc làm mới từ 15.000 - 17.000 lao động/năm.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm còn dưới 4% (chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020).

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới từ 50-60%.

- Tỷ lệ đô thị hoá từ 60 - 65%.

**2.3. Các chỉ tiêu về môi trường:**

- Tỷ lệ dân số sử dụng nước sạch, nước hợp vệ sinh đạt trên 95% (trong đó, nước sạch đạt trên 90%).

- Ổn định độ che phủ rừng 57%.

- 95% các khu đô thị, 70% khu công nghiệp, các cụm công nghiệp và làng nghề có hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn.

- 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

### 3. Các chương trình trọng điểm

- Chương trình phát triển du lịch và dịch vụ

- Chương trình phát triển hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và phát triển công nghiệp

- Chương trình xây dựng nông thôn mới

- Chương trình phát triển nguồn nhân lực

***4. Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu.***

- Đột phá phát triển kinh tế

- Duy trì cơ cấu kinh tế theo hướng phát huy các lợi thế so sánh. Phát triển dịch vụ du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn; công nghiệp tạo sự bứt phá về kinh tế; nông nghiệp nhằm đảm bảo an sinh xã hội

- Xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật; phát triển Khu Kinh tế Chân Mây - Lăng Cô và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Xây dựng Thừa Thiên Huế là trung tâm văn hóa - du lịch, trung tâm giáo dục - đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao; trung tâm y tế chuyên sâu, trung tâm khoa học công nghệ của khu vực miền Trung và cả nước

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp tạo việc làm, giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội

- Sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ môi trường; thích nghi biến đối khí hậu

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, trọng tâm là cải cách hành chính, xây dựng chính quyền kiến tạo, năng động, phục vụ, hướng tới sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp

- Tăng cường các quan hệ đối ngoại; đảm bảo quốc phòng an ninh.

**IV. CÁC HÌNH THỨC ĐÃ ĐƯỢC KHEN THƯỞNG**

Với sự nổ lực, phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Đến nay, toàn tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng, cụ thể trong 10 năm trở lại đây:

- Nhà nước phong tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Bà Mẹ Việt Nam anh hùng cho 1.284 mẹ, nâng tổng số Bà mẹ Việt Nam anh hùng toàn tỉnh lên 2.349 mẹ.

- Nhà nước khen thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến cho 603 cán bộ hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc và người có công giúp đỡ cách mạng.

- 357 gia đình được tặng thưởng Huân chương Độc lập các hạng.

- 281 tập thể và cá nhân được tặng thưởng Huân chương Lao động các hạng.

- 07 cá nhân được tặng thưởng Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; 16 Huân chương, Huy chương Hữu nghị và 02 Huân chương Bảo vệ tổ quốc.

- 479 tập thể và cá nhân được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen.

- 69 tập thể được tặng Cờ thi đua của Chính phủ.

- 09 cá nhân được tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua toàn quốc.

Ngoài ra, việc đẩy mạnh thực hiện kế hoạch hoạt động phong trào thi đua trong Khối thi đua của Cụm 13 tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung, sau này là Cụm thi đua 6 tỉnh Bắc Trung bộ, tỉnh Thừa Thiên Huế liên tục được tặng thưởng Cờ thi đua của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Năm 2005, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua Đợt thi đua đặc biệt thực hiện Chỉ thị 31/CT-TTg Cụm 13 tỉnh Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung.

- Năm 2006, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.

- Năm 2007, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.

- Năm 2008, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất.

- Năm 2009, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.

- Năm 2010, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.

- Năm 2015, tỉnh được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc.

*Với những thành tích đạt được của tỉnh nhà trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trong 30 năm tái lập, xây dựng và phát triển, đã góp phần làm thay đổi diện mạo của tỉnh Thừa Thiên Huế. Để động viên và khích lệ tinh thần của nhân dân và cán bộ tỉnh nhà trong việc phấn đấu đưa tỉnh Thừa Thiên Huế trở thành trung tâm du lịch văn hóa lớn của cả nước; Đảng bộ và chính quyền tỉnh Thừa Thiên Huế kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất cho Đảng bộ, chính quyền, nhân dân và lực lượng vũ trang tỉnh Thừa Thiên Huế./.*

|  |  |
| --- | --- |
| **TM. BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY BÍ THƯ** | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**  **CHỦ TỊCH** |